

Bản án số: 229/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16 – 9 - 2022

V/v ly hôn, con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Minh Thịnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trịnh Khởi Nghĩa

Ông Nguyễn Văn Hiền

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 374/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 về việc ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Hồng M, sinh năm 1992; cư trú tại: Ấp TP, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đào Thanh T, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp TP, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Chị Phạm Hồng M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh T kết hôn 2010, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TAK. Quá trình chung sống, anh T đánh chị nhiều lần, gần đây chị về nhà cha mẹ ruột, nửa đêm anh T đem thuốc chuột rử chị uống chết chung. Thân tộc có hàn gắn nhưng anh T không khắc phục. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đào Tấn K, sinh ngày

06/9/2011 và Đào Mỹ N, sinh ngày 08/3/2017. Khi ly hôn, chị đồng ý giao 02 người con cho anh T nuôi, cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Anh Đào Thanh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Thời gian kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn như chị M trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có cự cãi, anh có đánh chị M nhưng không như chị M trình bày. Thân tộc không có hòa giải hàn gắn. Nay anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 người con như chị M trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh đồng ý nuôi 02 người con, anh không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Chị M yêu cầu ly hôn; yêu cầu nuôi cháu Kiệt, cấp dưỡng không đặt ra.
- Anh T giữ nguyên quan điểm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Hồng M khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với anh Đào Thanh T là vụ kiện tranh chấp ly hôn, con chung, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2010, chị M và anh T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo chị M xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài và quá trình chung sống anh T có hành vi bạo lực gia đình nên chị yêu cầu được ly hôn. Anh T thừa nhận vợ chồng có cự cãi, anh có đánh chị M. Nay anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu đoàn tụ. Xét thấy: Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị M và anh T đã có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được là thực tế có xảy ra.

Thấy rằng: Anh T là người yêu cầu được đoàn tụ, nhưng chị M cương quyết không đồng ý. Ngoài những lời hứa hẹn không được chị M chấp nhận thì anh T không có biện pháp gì để thuyết phục chị M đoàn tụ. Đồng thời, chị M xác định chị không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh T, chị tha thiết yêu cầu được ly hôn.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M về quan hệ hôn nhân.

[4] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu K đã hơn 11 tuổi, đang sống chung với chị M. Cháu N đã hơn 05 tuổi, hiện sống chung với anh T. Khi ly hôn, chị M yêu cầu nuôi cháu K, đồng ý giao cháu N cho anh T nuôi, cấp dưỡng không đặt ra. Anh T yêu cầu được nuôi 02 người con, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy: Theo nguyện vọng của cháu K thì cháu muốn sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và điều kiện học của cháu K nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M về con chung.

Đối với cháu N: Mặc dù cháu đang sống chung với anh T, khi ly hôn anh T yêu cầu được nuôi, chị M đồng ý giao cho anh T nuôi. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu N cho anh T nuôi là phù hợp.

[5] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị M, anh T tự thỏa thuận về tài sản chung, đồng thời vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét về án phí dân sự: Chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 5; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Hồng M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Hồng M được ly hôn với anh Đào Thanh T.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Đào Tấn K, sinh ngày 06/9/2011 cho chị Phạm Hồng M được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Giao cháu Đào Mỹ N, sinh ngày 08/3/2017 cho anh Đào Thanh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.3. Chị Phạm Hồng M, anh Đào Thanh T không trực tiếp nuôi con chung, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Chị Phạm Hồng M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0012871 ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Phạm Hồng M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Trương Minh Thịnh**